

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
THÀNH PHỐ E**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1373/2023/DS-ST

Ngày: 08/5/2023.

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm rút gọn, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Chí Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường - Thư ký Tòa án.

Ngày 08/5/2023, tại phòng xử án dân sự Tòa án nhân dân thành phố D, Thành phố E xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án dân sự thụ lý sơ thẩm số: 289/2023/TLST-DS ngày 28/4/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án dân sự ra xét xử số 1226/2023/QĐXXST-DS ngày 29/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 1705/2023/QĐ-HPT ngày 18/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ hội sở chính: Số a đường b, phường c, quận d, Thành phố e.

Địa chỉ Chi nhánh G: Số A đường B, phường C, thành phố D, Thành phố E.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Đức Th (theo Giấy ủy quyền lại số 1313/NHNo-ĐSG lập ngày 20/12/2022).

2. Bị đơn: Ông Dương Quốc A, sinh năm 1997.

Cư trú tại: X Khu phố XX, phường XXX, thành phố D, Thành phố E.

Ông Trần Đức Th có mặt;

Ông Nguyễn Thanh Ph vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2022, nguyên đơn - Ngân hàng T trình bày:

Ngày 30/6/2020, giữa khách hàng Ông Dương Quốc A (sau đây gọi tắt là ông A) cùng Ngân hàng T – Chi nhánh G – Phòng giao dịch số Y (gọi tắt Ngân hàng) ký kết Hợp đồng tín dụng số 6280-LAV-202000987, với nội dung chi tiết:

- Vốn vay: 2.000.000.000 đồng; Mục đích vay: thanh toán chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Thời hạn vay: 240 tháng; Mức lãi suất cho vay tại thời điểm

ký hợp đồng tín dụng: 9,5%/năm (được điều chỉnh 3 tháng/lần); Phương thức trả nợ: Trả vốn định kỳ hàng tháng 8.330.000 đồng và lãi phát sinh theo tháng.

- Tài sản đảm bảo nợ vay: Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn 196,9m², thuộc thửa đất số 565, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại địa chỉ: xã An Phú, huyện O, Thành phố E (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 442769, số vào sổ cấp GCN CH 03747 do Ủy ban nhân dân huyện O, Thành phố E cấp ngày 26/4/2019, cập nhật biến động sang tên cho Ông Dương Quốc A ngày 29/6/2020) thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6280-LCP-202000958 ngày 30/6/2020, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện O ngày 30/6/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Ông Dương Quốc A trả được một phần nợ vốn và lãi đến tháng 11/2021, kể từ tháng 12/2021 ông A ngưng thực hiện trả nợ vốn và lãi phát sinh, ông A vi phạm nghĩa vụ cam kết trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Ngày 25/12/2021 Ngân hàng chuyển dư nợ vốn sang nợ quá hạn và quyết định thu hồi toàn bộ nợ. Tính đến ngày 31/10/2022, ông A phải trả các khoản nợ: Vốn 1.958.350.000 đồng; Lãi trong hạn 348.157.073 đồng, lãi quá hạn 2.001.596 đồng. Tổng cộng vốn và lãi phải trả là 2.308.508.669 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện: Buộc Ông Dương Quốc A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ tín dụng tính đến ngày 08/5/2023, gồm: Vốn 1.958.350.000 đồng; Lãi trong hạn 466.060.473 đồng, lãi quá hạn 5.493.247 đồng. Tổng cộng nợ phải trả: 2.429.903.720 đồng.

Lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ vốn tương ứng, kể từ ngày 09/5/2023 cho đến khi tất toán vốn vay, theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6280-LAV-202000987 ngày 30/6/2020 (có điều chỉnh lãi suất theo thông báo là 12,3%/năm x 150%).

- Trường hợp Ông Dương Quốc A không chịu trả nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án, kể cả phát mãi tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để Ngân hàng thu hồi toàn bộ nợ vốn và lãi phát sinh.

Tài sản yêu cầu phát mãi gồm: Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn 196,9m², thuộc thửa đất số 565, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại địa chỉ: xã An Phú, huyện O, Thành phố E theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6280-LCP-202000958 ngày 30/6/2020, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện O ngày 30/6/2020.

- Yêu cầu Ông Dương Quốc A có trách nhiệm tiếp tục trả nợ tín dụng bằng các tài sản hợp pháp, sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà vẫn chưa thu hồi hết toàn bộ nợ.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp xuất phát từ Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nợ vay là quan hệ pháp luật tranh chấp về tín dụng và giao dịch về tài sản bảo đảm theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và các quy định về lãi suất cho vay tín dụng của Ngân hàng Nhà nước quy định.

Ngân hàng T - Chi nhánh G khởi kiện tranh chấp nợ tín dụng đối với Ông Dương Quốc A có nội dung yêu cầu phù hợp pháp luật, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D theo thỏa thuận của các bên đương sự tại Hợp đồng tín dụng, là phù hợp theo quy định tại Điều 26; khoản 1 Điều 36; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng và phạm vi giải quyết vụ án:

- Vụ án không thuộc trường hợp phải có đại diện Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn là Ông Dương Quốc A theo định danh tại Hộ chiếu số: B7187479 cấp ngày 19/10/2012, xác định ông A có địa chỉ cư trú tại: X Khu phố XX, phường XXX, thành phố D, Thành phố E. Đây cũng là địa chỉ bị đơn đăng ký nơi thường trú (hộ khẩu) và đã giao dịch ghi trên hợp đồng tín dụng, ghi trên hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay. Tính đến khi xét xử sơ thẩm vụ án, bị đơn chưa khai báo về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú cho người khởi kiện và cho Tòa án biết, xét có cơ sở xác định địa chỉ cư trú sau cùng của bị đơn tại: số X Khu phố XX, phường XXX, thành phố D, Thành phố E là xác thực, phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 40; **điểm e khoản 1 Điều 192** và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật dân sự năm 2015 và xét áp dụng quy định tại Điều 5, điểm a khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 3 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng vụ án cho bị đơn tại địa chỉ cư trú nêu trên.

- Xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng (hợp đồng vay tín dụng, tài sản bảo đảm nợ vay cũng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng đất của chính bị đơn và được thế chấp bằng hợp đồng thế chấp tài sản có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), bị đơn là Ông Dương Quốc A có địa chỉ cư trú cụ thể là chứng cứ đầy đủ nên căn cứ theo Điều 316 và Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

- Việc thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng Ông Dương Quốc A vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 318 và khoản 1 Điều 320 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Phạm vi giải quyết vụ án:* Tại phiên tòa rút gọn, bị đơn vắng mặt không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Chủ tọa phiên tòa rút gọn, xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của nguyên đơn được xác định cụ thể tại phiên tòa. Các nội dung khác đương sự không yêu cầu thì không được xem xét giải quyết trong cùng vụ án này.

[3] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

- Xét các chứng cứ, gồm: Hợp đồng tín dụng số 6280-LAV-202000987 ngày 30/6/2020; Văn bản giải ngân khoản vay ngày 30/6/2020; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ông Dương Quốc A ngày 22/6/2020; Lịch trả nợ gốc lập ngày 30/6/2020 và Bảng kê tính lãi phát sinh lập ngày 08/5/2023, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6280-LCP-202000958 ngày 30/6/2020, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện O ngày 30/6/2020, Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm lập ngày 30/6/2020; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 442769, số vào sổ cấp GCN CH 03747 do Ủy ban nhân dân huyện O, Thành phố E cấp ngày 26/4/2019, cập nhật biến động sang cho Ông Dương Quốc A đứng tên chủ quyền ngày 29/6/2020, và các văn bản làm việc, nhắc nhở đôn đốc khách hàng trả nợ. Xét đây là chứng cứ được ký nhận bởi những người có thẩm quyền của pháp nhân ngân hàng, của người vay, của người có tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay là các chứng cứ xác thực nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự trong vụ án.

- *Xét yêu cầu đòi nợ gốc và lãi:* Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn chứng minh Ông Dương Quốc A còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 08/5/2023, gồm các khoản: Vốn 1.958.350.000 đồng; Lãi trong hạn 466.060.473 đồng, lãi quá hạn 5.493.247 đồng. Tổng cộng nợ phải trả: 2.429.903.720 đồng. Xét thấy số liệu này phù hợp với Bảng tính lãi phát sinh lập ngày 08/5/2023 và cách tính lãi phát sinh là theo đúng điều khoản thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6280-LAV-202000987 ngày 30/6/2020 và phù hợp với mức lãi suất quy định được điều chỉnh là số liệu nợ vốn, nợ lãi là xác thực. Việc Ông Dương Quốc A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tín dụng theo cam kết tại hợp đồng tín dụng là bên có lỗi nên Ngân hàng quyết định chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang quá hạn và thu hồi nợ vốn trước hạn một lần toàn bộ nợ vốn là phù hợp theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Xét Ngân hàng yêu cầu ông A có trách nhiệm trả nợ vốn và lãi phát sinh tính đến ngày 08/5/2023, với tổng số nợ phải trả là 2.429.903.720 đồng là có căn cứ chấp nhận.

- Xét lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ vốn tương ứng, kể từ ngày 09/5/2023 cho đến khi tất toán vốn vay, theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định của hợp đồng tín dụng là phù hợp theo thỏa thuận hợp đồng, đúng quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và các quy định về mức lãi suất cho vay tín dụng của Ngân hàng Nhà nước.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là Ông Dương Quốc A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 08/5/2023 là số

tiền 2.429.903.720 đồng. Thực hiện trả một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành án.

Trường hợp Ông Dương Quốc A không chịu trả nợ hoặc trả không đầy đủ nợ vốn và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện thi hành án, kể cả phát mãi tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để Ngân hàng thu hồi toàn bộ nợ vốn và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6280-LCP-202000958 ngày 30/6/2020, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện O ngày 30/6/2020.

Sau khi phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ cho ngân hàng, nếu vẫn còn dư nợ (gốc và lãi) thì Ông Dương Quốc A phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ bằng tài sản hợp pháp khác của ông A cho đến khi tất toán nợ. Nếu trị giá tài sản phát mãi còn dư sẽ được trả lại cho người có tài sản thế chấp là Ông Dương Quốc A.

Trước khi tài sản thế chấp bị phát mãi thu hồi nợ, Ông Dương Quốc A chủ động tất toán toàn bộ nợ (vốn và lãi), thì Ngân hàng T có trách nhiệm giải chấp tài sản đảm bảo và trả lại cho Ông Dương Quốc A toàn bộ hồ sơ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông Dương Quốc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 80.598.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, Thành phố E.

Ngân hàng T (Chi nhánh G) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng toàn bộ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

- Chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 10.000.000 đồng, do Ông Dương Quốc A vi phạm nghĩa vụ trả nợ tín dụng nên ông A phải chịu toàn bộ và phải trả lại cho Ngân hàng T (Chi nhánh G) khi thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 316, khoản 1 Điều 318, khoản 1 Điều 320, Điều 321, Điều 322 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điều khoản thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6280-LAV-202000987 ngày 30/6/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6280-LCP-202000958 ngày 30/6/2020; Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và các quy định về mức lãi suất cho vay tín dụng của Ngân hàng Nhà nước quy định.

Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc Ông Dương Quốc A có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T toàn bộ nợ tín dụng, gồm: Vốn 1.958.350.000 đồng; Lãi trong hạn 466.060.473 đồng, lãi quá hạn 5.493.247 đồng. Tổng cộng nợ phải trả: 2.429.903.720đ (*Hai tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, bảy trăm hai mươi đồng*).

Thực hiện trả một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ vốn tương ứng, kể từ ngày 09/5/2023 cho đến khi tất toán vốn vay, theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số 6280-LAV-202000987 ngày 30/6/2020.

- Trường hợp Ông Dương Quốc A không chịu trả nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án, kể cả phát mãi tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để Ngân hàng thu hồi toàn bộ nợ vốn và lãi phát sinh.

Tài sản yêu cầu phát mãi gồm: Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn 196,9m², thuộc thửa đất số 565, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại địa chỉ: xã An Phú, huyện O, Thành phố E (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 442769, số vào sổ cấp GCN CH 03747 do Ủy ban nhân dân huyện O, Thành phố E cấp ngày 26/4/2019, cập nhật biến động sang tên cho Ông Dương Quốc A ngày 29/6/2020), thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6280-LCP-202000958 ngày 30/6/2020, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện O ngày 30/6/2020.

Sau khi phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ cho Ngân hàng: Nếu vẫn còn dư nợ (gốc và lãi) thì Ông Dương Quốc A còn phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho ngân hàng, bằng tài sản hợp pháp khác của ông A cho đến khi tất toán nợ; Nếu trị giá tài sản phát mãi còn dư thì sẽ được trả lại cho người có tài sản thế chấp là Ông Dương Quốc A.

- Trước khi tài sản thế chấp bị phát mãi để thu hồi nợ cho ngân hàng, Ông Dương Quốc A chủ động tất toán toàn bộ nợ (trả hết vốn và lãi), thì Ngân hàng T (Chi nhánh G) có trách nhiệm giải chấp tài sản đảm bảo và trả lại cho Ông Dương Quốc A toàn bộ hồ sơ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Ông Dương Quốc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 80.598.000đ (*Tám mươi triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, Thành phố E.

- Trả lại cho Ngân hàng T tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 39.085.086đ (*Ba mươi chín triệu, không trăm tám mươi năm nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0008037 ngày 15/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, Thành phố E.

- Chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 10.000.000 đồng, Ông Dương Quốc A chịu toàn bộ và phải trả lại cho Ngân hàng T (Chi nhánh G) khi thi hành án.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

- Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa đối với bản án này là 07 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Bản án này có thể bị kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố D;
- Chi cục THA DS thành phố D;
- TAND TP HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Chí Quang

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THEO THỦ TỤC RÚT GỌN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

